

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1663/QĐ-ĐHM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xét, cấp học bổng Khuyến khích học tập cho sinh viên bậc Đại học
Hình thức đào tạo chính quy Khóa 2018, 2019, 2020 của Các khoa
Học kỳ 2 NH 2020 – 2021 (đợt 1)
(không bao gồm khoa Ngoại ngữ, Công nghệ sinh học,
Kế toán – Kiểm toán, Đào tạo đặc biệt)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 389/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 7 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Mở Bán công Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 146/2006/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 06 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển sang loại hình trường đại học công lập với tên gọi là Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 2799/QĐ-ĐHM ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng Khuyến khích học tập đối với sinh viên hệ chính quy bậc đại học chương trình chất lượng cao - Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định 2800/QĐ-ĐHM ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng Khuyến khích học tập đối với sinh viên hệ chính quy bậc đại học chương trình đại trà - Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định 2376/QĐ-ĐHM ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc ban hành Quyết định thành lập Hội đồng xét, cấp Học bổng người học - Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản họp số 1131/BB-ĐHM ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh về việc xét, cấp học bổng Khuyến khích học tập đợt 1 - học kỳ 2 năm học 2020 – 2021;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng xét, cấp học bổng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cấp học bổng Khuyến khích học tập cho **822** sinh viên bậc Đại học khóa 2018, 2019, 2020 học kỳ 2 năm học 2020 – 2021 cho các Khoa (không bao



gồm khoa Ngoại ngữ, Công nghệ sinh học, Kế toán – Kiểm toán, Đào tạo đặc biệt) cụ thể:

Trong đó: Xuất sắc: 172 sinh viên, Giỏi: 484 sinh viên; Khá: 166 sinh viên
(Đính kèm bảng thống kê và danh sách chi tiết)

Điều 2: Sinh viên được cấp giấy chứng nhận và tiền học bổng theo từng bậc đào tạo và từng loại học bổng như sau:

Loại Xuất sắc = $P \times 100\%$

Loại Giỏi = $P \times 70\%$

Loại Khá = $P \times 50\%$

Ghi chú: P là mức học phí bình quân của các ngành đào tạo trong học kỳ.

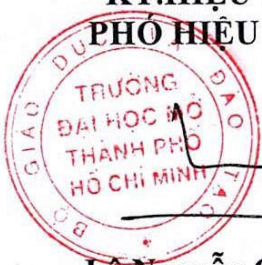
Tổng kinh phí xét, cấp học bổng học kỳ 2 năm học 2020 – 2021 (đợt 1) cho các Khoa (không bao gồm khoa Ngoại ngữ, Công nghệ sinh học, Kế toán – Kiểm toán, Đào tạo đặc biệt) là: **4,393,702,500** đồng.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Công tác sinh viên và Truyền thông, Trưởng Phòng Hành chính – Quản trị, Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các Khoa, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, P.CTSVTT. (4)

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Nguyễn Quốc Khang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2020 - 2021**

(Ban hành kèm theo quyết định: 1663/QĐ-ĐHM, ngày 29 tháng 6 năm 2021)

Đơn vị: Khoa Công Nghệ Thông Tin

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB (Hệ 4)	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
1	18/KHMT	1851010052	Võ Đình	Huy	09/11/2000	2018	CQ_CN	4.00	100	Xuất sắc	5,940,000	100%	5,940,000
2		1851010123	Nguyễn Xuân	Thao	18/12/2000	2018	CQ_CN	4.00	90	Xuất sắc	5,940,000	100%	5,940,000
3		1851010126	Nguyễn Thị Phương	Thảo	11/02/2000	2018	CQ_CN	3.86	90	Xuất sắc	5,940,000	100%	5,940,000
4		1851010157	Trịnh Thị Kim	Vui	18/12/2000	2018	CQ_CN	3.83	93	Xuất sắc	5,940,000	100%	5,940,000
5		1851010105	Vương Gia	Phúc	16/04/2000	2018	CQ_CN	4.00	85	Giỏi	5,940,000	70%	4,158,000
6		1851010057	Đỗ Võ Anh	Khoa	18/04/2000	2018	CQ_CN	4.00	85	Giỏi	5,940,000	70%	4,158,000
7		1851010084	Ma Hoàng Hải	Nguyên	16/10/2000	2018	CQ_CN	4.00	85	Giỏi	5,940,000	70%	4,158,000
8		1851010069	Trần Nhật	Long	18/02/2000	2018	CQ_CN	4.00	85	Giỏi	5,940,000	70%	4,158,000
9		1851010075	Phạm Quang	Minh	11/06/2000	2018	CQ_CN	4.00	83	Giỏi	5,940,000	70%	4,158,000
10		1851010062	Tất Quảng	Kiệt	10/09/2000	2018	CQ_CN	4.00	82	Giỏi	5,940,000	70%	4,158,000
11		1851010045	Bùi Xuân	Hiếu	24/05/2000	2018	CQ_CN	3.83	85	Giỏi	5,940,000	70%	4,158,000
12		1851010041	Nguyễn Thanh	Hằng	14/09/2000	2018	CQ_CN	3.71	85	Giỏi	5,940,000	70%	4,158,000
13		1851010072	Trần Xuân	Lộc	25/08/2000	2018	CQ_CN	3.71	82	Giỏi	5,940,000	70%	4,158,000
14		1851010108	Đoàn Trần Minh	Quân	22/12/2000	2018	CQ_CN	3.67	84	Giỏi	5,940,000	70%	4,158,000
15		1854050107	Trần Quốc	Thắng	12/09/2000	2018	CQ_CN	3.57	82	Giỏi	7,380,000	70%	5,166,000
16		1854050047	Trần Ngọc Mai	Linh	15/08/2000	2018	CQ_CN	3.55	100	Giỏi	7,380,000	70%	5,166,000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB (Hệ 4)	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
17	18/HTTQL	1854050010	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	09/03/1999	2018	CQ_CN	3.54	100	Giỏi	7,380,000	70%	5,166,000
18		1854050121	Lê Đỗ Huyền	Trâm	15/07/2000	2018	CQ_CN	3.50	82	Giỏi	7,380,000	70%	5,166,000
19		1854050060	Trần Thị Cẩm	My	21/02/2000	2018	CQ_CN	3.43	98	Giỏi	7,380,000	70%	5,166,000
20		1854050006	Lê Thị Phương	Anh	01/10/2000	2018	CQ_CN	3.14	78	Khá	7,380,000	50%	3,690,000
21		1854050034	Nguyễn Thị	Huyền	27/08/2000	2018	CQ_CN	3.11	85	Khá	7,380,000	50%	3,690,000
22		1854050118	Nguyễn Hoàng Anh	Thy	09/11/2000	2018	CQ_CN	3.09	82	Khá	7,380,000	50%	3,690,000
23		1854050024	Hồ Hoàng	Hân	06/10/2000	2018	CQ_CN	3.07	82	Khá	7,380,000	50%	3,690,000
24		1854050086	Lương	Phúc	24/01/2000	2018	CQ_CN	3.07	81	Khá	7,380,000	50%	3,690,000
25		1854050112	Nguyễn Thanh	Thúy	27/11/2000	2018	CQ_CN	3.07	81	Khá	7,380,000	50%	3,690,000
26		1854050125	Nguyễn Phương	Trúc	17/09/2000	2018	CQ_CN	3.05	85	Khá	7,380,000	50%	3,690,000
27		1854050016	Nguyễn Thị Anh	Đào	20/05/2000	2018	CQ_CN	3.05	85	Khá	7,380,000	50%	3,690,000
28		1854050020	Bùi Phạm Ngọc	Hà	22/04/2000	2018	CQ_CN	3.05	82	Khá	7,380,000	50%	3,690,000
29		1854050054	Trần Thị	Mẫn	26/06/2000	2018	CQ_CN	3.04	82	Khá	7,380,000	50%	3,690,000
30		1854050043	Lâm Nguyệt	Linh	29/02/2000	2018	CQ_CN	3.00	82	Khá	7,380,000	50%	3,690,000
31		1851050187	Phan Thanh	Vĩ	31/07/2000	2018	CQ_CN	3.77	90	Xuất sắc	7,920,000	100%	7,920,000
32		1851050182	Nguyễn Thị Thu	Uyên	17/01/2000	2018	CQ_CN	3.64	90	Xuất sắc	7,920,000	100%	7,920,000
33		1851050065	Huỳnh Linh	Khôi	10/06/2000	2018	CQ_CN	3.77	85	Giỏi	7,920,000	70%	5,544,000
34		1851050096	Huỳnh Thị Tuyết	Ngọc	23/10/2000	2018	CQ_CN	3.55	90	Giỏi	7,920,000	70%	5,544,000
35		1851050077	Nguyễn Trần Công	Lập	15/10/2000	2018	CQ_CN	3.41	85	Giỏi	7,920,000	70%	5,544,000
36		1851050019	Trần Quốc	Duy	10/01/2000	2018	CQ_CN	3.36	85	Giỏi	7,920,000	70%	5,544,000
37		1851050063	Lê Trần Anh	Khoa	30/09/2000	2018	CQ_CN	3.36	85	Giỏi	7,920,000	70%	5,544,000
38		1851050056	Trần Phấn	Huy	15/02/2000	2018	CQ_CN	3.32	90	Giỏi	7,920,000	70%	5,544,000
39		1851050124	Phan Thị Như	Quỳnh	29/01/2000	2018	CQ_CN	3.32	80	Giỏi	7,920,000	70%	5,544,000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB (Hệ 4)	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
40	18/CNTT	1851050002	Phùng Tri	An	06/11/2000	2018	CQ_CN	3.27	90	Giỏi	7,920,000	70%	5,544,000
41		1851050194	Võ Thị Kim	Yến	10/08/2000	2018	CQ_CN	3.27	82	Giỏi	7,920,000	70%	5,544,000
42		1851010134	Võ Ngô Văn	Tiền	30/08/2000	2018	CQ_CN	3.23	85	Giỏi	7,920,000	70%	5,544,000
43		1851050051	Phạm Dương	Hòa	21/02/2000	2018	CQ_CN	3.23	82	Giỏi	7,920,000	70%	5,544,000
44		1851050099	Đào Văn	Nguyên	17/11/2000	2018	CQ_CN	3.23	82	Giỏi	7,920,000	70%	5,544,000
45		1851050165	Phan Văn	Trung	19/04/2000	2018	CQ_CN	3.18	95	Khá	7,920,000	50%	3,960,000
46		1851050154	Lê Hải	Triều	16/01/2000	2018	CQ_CN	3.09	81	Khá	7,920,000	50%	3,960,000
47		1851050029	Phạm Anh	Đào	23/05/2000	2018	CQ_CN	3.05	85	Khá	7,920,000	50%	3,960,000
48		1851050059	Trần Vũ	Khang	29/07/2000	2018	CQ_CN	3.00	82	Khá	7,920,000	50%	3,960,000
49		1851050060	Lâm Khánh	Khánh	24/06/2000	2018	CQ_CN	3.00	75	Khá	7,920,000	50%	3,960,000
50		1851050041	Châu Chí	Hạo	22/05/2000	2018	CQ_CN	2.86	90	Khá	7,920,000	50%	3,960,000
51		1851050150	Huỳnh Thị Ngọc	Trang	10/02/2000	2018	CQ_CN	2.86	90	Khá	7,920,000	50%	3,960,000
52		1851050148	Trần Trọng	Tín	13/03/2000	2018	CQ_CN	2.86	85	Khá	7,920,000	50%	3,960,000
53		1851050049	Nguyễn Vũ Minh	Hoàng	28/10/2000	2018	CQ_CN	2.86	84	Khá	7,920,000	50%	3,960,000
54	19/KHN	1951012106	Nguyễn Hoài	Sơn	23/01/2001	2019	CQ_CN	4.00	85	Giỏi	8,340,000	70%	5,838,000
55		1951012075	Mai Bảo	Nam	09/08/2001	2019	CQ_CN	4.00	85	Giỏi	8,340,000	70%	5,838,000
56		1951010024	Lý Quốc	Hùng	03/10/2001	2019	CQ_CN	4.00	85	Giỏi	8,340,000	70%	5,838,000
57		1951012031	Phạm Minh	Hoàng	01/12/2001	2019	CQ_CN	3.86	85	Giỏi	8,340,000	70%	5,838,000
58		1951012114	Cao Thiên	Tân	25/10/2001	2019	CQ_CN	3.71	80	Giỏi	8,340,000	70%	5,838,000
59		1951012074	Nguyễn Trà	My	30/06/2001	2019	CQ_CN	3.57	90	Giỏi	8,340,000	70%	5,838,000
60		1951012069	Hoàng Công	Minh	25/07/2001	2019	CQ_CN	3.43	86	Giỏi	8,340,000	70%	5,838,000
61		1951012058	Mai Hoàng	Kiên	18/09/2001	2019	CQ_CN	3.43	80	Giỏi	8,340,000	70%	5,838,000
62		1951012113	Trương Thuận	Tâm	30/03/2001	2019	CQ_CN	3.36	95	Giỏi	8,340,000	70%	5,838,000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB (Hệ 4)	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
63	LM	1951012051	Đặng Lê Đăng	Khoa	19/12/2001	2019	CQ_CN	3.36	85	Giỏi	8,340,000	70%	5,838,000
64		1951012061	Lê Cẩm Hoàng	Lâm	24/08/2001	2019	CQ_CN	3.36	82	Giỏi	8,340,000	70%	5,838,000
65		1951012111	Ngô Hoàng Thanh	Tâm	09/01/2001	2019	CQ_CN	3.36	81	Giỏi	8,340,000	70%	5,838,000
66		1951012071	Nguyễn Trương Anh	Minh	07/10/2001	2019	CQ_CN	3.29	90	Giỏi	8,340,000	70%	5,838,000
67		1951012073	Bùi Lê Thảo	My	05/09/2001	2019	CQ_CN	3.29	90	Giỏi	8,340,000	70%	5,838,000
68		1951012131	Nguyễn Vũ Ngọc	Thiện	26/10/2001	2019	CQ_CN	3.29	85	Giỏi	8,340,000	70%	5,838,000
69		1951012053	Phạm Nhật	Khoa	19/08/2001	2019	CQ_CN	3.29	82	Giỏi	8,340,000	70%	5,838,000
70		1951012133	Võ Thị Anh	Thư	18/10/2001	2019	CQ_CN	3.21	90	Giỏi	8,340,000	70%	5,838,000
71	19/HTTQL	1954050038	Trần Như	Quỳnh	22/11/2001	2019	CQ_CN	3.88	100	Xuất sắc	7,125,000	100%	7,125,000
72		1954052122	Đinh Quốc	Việt	31/08/2001	2019	CQ_CN	3.77	90	Xuất sắc	7,125,000	100%	7,125,000
73		1954052005	Ka Kim	ánh	12/01/2001	2019	CQ_CN	3.69	90	Xuất sắc	7,125,000	100%	7,125,000
74		1954052080	Hứa Lê Như	Quỳnh	29/11/2001	2019	CQ_CN	3.65	90	Xuất sắc	7,125,000	100%	7,125,000
75		1954052100	Nguyễn Minh	Thư	20/11/2001	2019	CQ_CN	3.62	100	Xuất sắc	7,125,000	100%	7,125,000
76		1954052063	Văn Thị Kim	Ngân	25/04/2001	2019	CQ_CN	3.88	85	Giỏi	7,125,000	70%	4,987,500
77		1954052118	Nguyễn Lê Vy	Tuyền	26/11/2001	2019	CQ_CN	3.69	85	Giỏi	7,125,000	70%	4,987,500
78		1954052110	Nguyễn Thùy	Trang	25/10/1999	2019	CQ_CN	3.65	82	Giỏi	7,125,000	70%	4,987,500
79		1954052062	Phạm Trần Thanh	Ngân	25/07/2001	2019	CQ_CN	3.58	90	Giỏi	7,125,000	70%	4,987,500
80		1954052015	Dương Thị Xuân	Giang	19/10/2001	2019	CQ_CN	3.54	100	Giỏi	7,125,000	70%	4,987,500
81		1954052111	Phan Thị Minh	Trang	07/11/2001	2019	CQ_CN	3.54	90	Giỏi	7,125,000	70%	4,987,500
82		1954050056	Nguyễn Thị Lan	Vy	03/12/2001	2019	CQ_CN	3.46	100	Giỏi	7,125,000	70%	4,987,500
83		1954050045	Dương Minh	Trang	01/05/2001	2019	CQ_CN	3.46	100	Giỏi	7,125,000	70%	4,987,500
84		1951052193	Nguyễn Ngọc	Thịnh	17/05/2001	2019	CQ_CN	4.00	100	Xuất sắc	8,940,000	100%	8,940,000
85		1951052042	Nguyễn Thanh	Định	28/10/2001	2019	CQ_CN	4.00	90	Xuất sắc	8,940,000	100%	8,940,000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB (Hệ 4)	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
86	19/CNTT	1951052145	Nguyễn Thị Hồng	Nhật	10/10/2001	2019	CQ_CN	3.93	100	Xuất sắc	8,940,000	100%	8,940,000
87		1951052054	La Trung	Hiếu	29/11/2001	2019	CQ_CN	3.71	100	Xuất sắc	8,940,000	100%	8,940,000
88		1951050080	Nguyễn Văn	Thu	25/01/2001	2019	CQ_CN	3.71	95	Xuất sắc	8,940,000	100%	8,940,000
89		1951050060	Đinh Hữu	Phát	11/07/2001	2019	CQ_CN	3.71	90	Xuất sắc	8,940,000	100%	8,940,000
90		1951052098	Nguyễn Văn	Lâm	14/03/2001	2019	CQ_CN	3.64	90	Xuất sắc	8,940,000	100%	8,940,000
91		1951050071	Phạm Thị Diệu	Quế	19/10/2001	2019	CQ_CN	4.00	87	Giỏi	8,940,000	70%	6,258,000
92		1951052129	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	21/07/2001	2019	CQ_CN	4.00	85	Giỏi	8,940,000	70%	6,258,000
93		1951052220	Nguyễn Văn	Trưởng	17/03/2001	2019	CQ_CN	4.00	85	Giỏi	8,940,000	70%	6,258,000
94		1951050027	Bùi Khánh	Huy	27/02/2001	2019	CQ_CN	4.00	85	Giỏi	8,940,000	70%	6,258,000
95		1951052126	Nguyễn Thành	Nam	01/01/2001	2019	CQ_CN	4.00	85	Giỏi	8,940,000	70%	6,258,000
96		1951052091	Nguyễn Trung	Kiên	15/02/2001	2019	CQ_CN	4.00	85	Giỏi	8,940,000	70%	6,258,000
97		1951052056	Nguyễn Ngọc	Hiếu	20/03/2001	2019	CQ_CN	4.00	85	Giỏi	8,940,000	70%	6,258,000
98		1951052049	Phan Thị Diệu	Hiền	12/07/2001	2019	CQ_CN	4.00	85	Giỏi	8,940,000	70%	6,258,000
99		1951050041	Huỳnh Tấn	Lợi	05/04/2001	2019	CQ_CN	3.93	85	Giỏi	8,940,000	70%	6,258,000
100		1951052102	Huỳnh Kim	Loan	06/10/2001	2019	CQ_CN	3.86	85	Giỏi	8,940,000	70%	6,258,000
101		1951052022	Nguyễn Thành	Danh	16/04/2001	2019	CQ_CN	3.86	85	Giỏi	8,940,000	70%	6,258,000
102		1951050100	Nguyễn Văn	Trưởng	25/11/2001	2019	CQ_CN	3.86	85	Giỏi	8,940,000	70%	6,258,000
103		1951052073	Nguyễn Đình	Huy	20/05/2001	2019	CQ_CN	3.86	85	Giỏi	8,940,000	70%	6,258,000
104		1951052037	Lê Tuấn	Đạt	20/02/2001	2019	CQ_CN	3.79	82	Giỏi	8,940,000	70%	6,258,000
105		1951050046	Đặng Thị Kim	Ngân	18/01/2001	2019	CQ_CN	3.71	85	Giỏi	8,940,000	70%	6,258,000
106		1951052039	Trần Tấn	Đạt	23/02/2001	2019	CQ_CN	3.71	85	Giỏi	8,940,000	70%	6,258,000
107		1951052103	Nguyễn Bảo	Long	02/11/2001	2019	CQ_CN	3.71	82	Giỏi	8,940,000	70%	6,258,000
108		1951052083	Võ Minh	Hùng	16/10/2001	2019	CQ_CN	3.71	81	Giỏi	8,940,000	70%	6,258,000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB (Hệ 4)	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
109	20/KHMT	2051012004	Nguyễn Văn	Anh	09/10/2002	2020	CQ_CN	4.00	90	Xuất sắc	6,490,000	100%	6,490,000
110		2051010083	Phan Thanh	Hải	18/05/2002	2020	CQ_CN	3.85	90	Xuất sắc	6,490,000	100%	6,490,000
111		2051012068	Nguyễn Lê Bảo	Ngân	26/07/2002	2020	CQ_CN	3.70	95	Xuất sắc	6,490,000	100%	6,490,000
112		2051012019	Lương Tấn	Đạt	14/10/2002	2020	CQ_CN	3.70	90	Xuất sắc	6,490,000	100%	6,490,000
113		2051012104	Lý Minh	Tâm	27/09/2002	2020	CQ_CN	3.55	85	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
114		2051012054	Vũ Nguyễn Mai	Linh	29/11/2002	2020	CQ_CN	3.50	100	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
115		2051012114	Nguyễn Đặng	Tiến	14/08/2002	2020	CQ_CN	3.40	85	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
116		2051012087	Lê Văn	Phôn	01/03/2002	2020	CQ_CN	3.40	85	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
117		2051012108	Phạm Hoàng Nhật	Thanh	22/09/2002	2020	CQ_CN	3.40	85	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
118		2051010214	Hồ Phước	Nhân	03/11/2002	2020	CQ_CN	3.30	90	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
119		2051012047	Phạm Vĩnh	Khánh	18/07/2002	2020	CQ_CN	3.30	85	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
120		2051012074	Hồ Đắc	Nguyễn	17/11/1999	2020	CQ_CN	3.30	84	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
121		2051012015	Đậu Đình	Dũng	08/01/2001	2020	CQ_CN	3.25	85	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
122		2051012053	Nguyễn Ngọc	Linh	07/06/2002	2020	CQ_CN	3.20	85	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
123		2051012007	Nguyễn Ngọc Thiên	Ân	01/01/2002	2020	CQ_CN	3.50	75	Khá	6,490,000	50%	3,245,000
124		2051012086	Lại Bình	Phong	08/09/2002	2020	CQ_CN	3.15	95	Khá	6,490,000	50%	3,245,000
125		2051012066	Nguyễn Đăng Nhựt	Nam	24/09/2002	2020	CQ_CN	3.15	90	Khá	6,490,000	50%	3,245,000
126		2051012056	Lê Phi	Long	19/07/2002	2020	CQ_CN	3.15	85	Khá	6,490,000	50%	3,245,000
127		2051012127	Nguyễn Anh	Tuấn	05/03/2002	2020	CQ_CN	3.15	85	Khá	6,490,000	50%	3,245,000
128		2051010257	Phạm Diệu	Quỳnh	14/02/2002	2020	CQ_CN	3.10	90	Khá	6,490,000	50%	3,245,000
129		2051010365	Mai Xuân	Vĩnh	26/07/2002	2020	CQ_CN	3.05	82	Khá	6,490,000	50%	3,245,000
130		2051012097	Phan Thị Hồng	Quế	09/02/2002	2020	CQ_CN	3.00	93	Khá	6,490,000	50%	3,245,000
131		2051012082	Nguyễn Thị ý	Nhi	18/05/2002	2020	CQ_CN	3.00	90	Khá	6,490,000	50%	3,245,000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB (Hệ 4)	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
155	20/CNTT	2051050265	Đặng Văn	Mãi	19/12/2001	2020	CQ_CN	3.79	100	Xuất sắc	6,490,000	100%	6,490,000
156		2051052096	Bùi Tiến	Phát	24/06/2002	2020	CQ_CN	3.70	100	Xuất sắc	6,490,000	100%	6,490,000
157		2051050420	Ngô Thị Kim	Tài	18/03/2002	2020	CQ_CN	3.70	90	Xuất sắc	6,490,000	100%	6,490,000
158		2051050098	Trần Nhật Minh	Đạt	11/03/2002	2020	CQ_CN	3.85	85	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
159		2051052059	Đậu Xuân Hoàng	Hùng	28/12/2002	2020	CQ_CN	3.85	85	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
160		2051052020	Nguyễn Ngọc Hoàng	Duy	13/06/2002	2020	CQ_CN	3.85	85	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
161		2051052150	Phan Thị Yến	Vi	10/11/2002	2020	CQ_CN	3.70	87	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
162		2051052012	Đặng Phạm Đình	Chương	05/09/2002	2020	CQ_CN	3.70	85	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
163		2051052016	Nguyễn Tấn	Cường	03/11/2002	2020	CQ_CN	3.70	85	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
164		2051050104	Coóng Gia	Đức	14/03/2002	2020	CQ_CN	3.70	85	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
165		2051052036	Nguyễn Văn	Hậu	11/11/2002	2020	CQ_CN	3.70	85	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
166		2051050318	Nguyễn Đặng Tuyết	Nhi	23/11/1999	2020	CQ_CN	3.70	85	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
167		2051052087	Nguyễn Kim Bảo	Ngân	02/06/2002	2020	CQ_CN	3.70	85	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
168		2051052066	Đặng Vỹ	Khôi	18/12/2002	2020	CQ_CN	3.65	85	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
169		2051052117	Nguyễn Hồng	Son	18/05/2002	2020	CQ_CN	3.60	89	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
170		2051052074	Nguyễn Đình	Linh	17/01/2002	2020	CQ_CN	3.55	90	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
171		2051050549	Trần Đăng	Tuấn	28/08/2002	2020	CQ_CN	3.55	90	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
172		2051052069	Vũ Phạm Tuấn	Kiệt	09/09/2002	2020	CQ_CN	3.55	87	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
173		2051052135	Cao Nguyên	Thụy	26/01/2002	2020	CQ_CN	3.55	85	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB (Hệ 4)	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
132		2051012079	Trần Ngọc Quang	Nhân	15/08/2002	2020	CQ_CN	3.00	90	Khá	6,490,000	50%	3,245,000
133		2051012101	Đỗ Công	Son	30/05/2002	2020	CQ_CN	3.00	85	Khá	6,490,000	50%	3,245,000
134		2051012113	Đặng Hoàng Như	Thủy	11/04/2002	2020	CQ_CN	3.00	82	Khá	6,490,000	50%	3,245,000
135	20/HTTQL	2054052026	Dương Văn	Khiêm	09/10/2002	2020	CQ_CN	4.00	90	Xuất sắc	5,800,000	100%	5,800,000
136		2054050081	Đặng Ngọc	Huyền	13/10/2002	2020	CQ_CN	3.70	95	Xuất sắc	5,800,000	100%	5,800,000
137		2054052007	Phạm Nguyễn Như	Bình	02/05/2002	2020	CQ_CN	3.60	97	Xuất sắc	5,800,000	100%	5,800,000
138		2054052062	Đinh Lê Công	Thịnh	17/09/2002	2020	CQ_CN	4.00	85	Giỏi	5,800,000	70%	4,060,000
139		2054052051	Đào Như	Quỳnh	06/03/2002	2020	CQ_CN	3.70	85	Giỏi	5,800,000	70%	4,060,000
140		2054050136	Võ Thảo	My	20/07/2002	2020	CQ_CN	3.55	82	Giỏi	5,800,000	70%	4,060,000
141		2054052057	Đặng Quỳnh Phương	Thảo	24/03/2002	2020	CQ_CN	3.50	85	Giỏi	5,800,000	70%	4,060,000
142		2054052029	Đặng Hoàng	Linh	30/11/2002	2020	CQ_CN	3.45	85	Giỏi	5,800,000	70%	4,060,000
143		2054050005	Nguyễn Hoàng	Anh	13/11/2002	2020	CQ_CN	3.45	81	Giỏi	5,800,000	70%	4,060,000
144		2054050276	Phan Đỗ Hoàng	Vi	30/09/2002	2020	CQ_CN	3.40	87	Giỏi	5,800,000	70%	4,060,000
145		2054052069	Đặng Thị Thủy	Tiên	17/11/2002	2020	CQ_CN	3.40	85	Giỏi	5,800,000	70%	4,060,000
146		2054050033	Trần Mỹ	Duyên	03/03/2002	2020	CQ_CN	3.35	85	Giỏi	5,800,000	70%	4,060,000
147		2054052031	Lê Ngọc	Minh	25/10/2002	2020	CQ_CN	3.30	90	Giỏi	5,800,000	70%	4,060,000
148		2051012134	Lê Minh	Việt	24/10/2002	2020	CQ_CN	3.30	85	Giỏi	5,800,000	70%	4,060,000
149		2054052046	Bùi Thị Kim	Oanh	29/10/2002	2020	CQ_CN	3.30	85	Giỏi	5,800,000	70%	4,060,000
150		2054052010	Lê Trần Nhật	Duy	16/06/2002	2020	CQ_CN	3.30	82	Giỏi	5,800,000	70%	4,060,000
151		2054052079	Bùi Thị Hạnh	Uyên	06/11/2002	2020	CQ_CN	3.25	90	Giỏi	5,800,000	70%	4,060,000
152		2054052001	Hoàng Thanh	An	11/05/2002	2020	CQ_CN	3.25	85	Giỏi	5,800,000	70%	4,060,000
153		2051052108	Lê Anh	Quang	04/12/1997	2020	CQ_CN	3.85	95	Xuất sắc	6,490,000	100%	6,490,000
154		2051052145	Trần Ngọc	Tuấn	20/10/2002	2020	CQ_CN	3.85	90	Xuất sắc	6,490,000	100%	6,490,000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB (Hệ 4)	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
174		2051052158	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	22/01/2002	2020	CQ_CN	3.50	90	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000
175		2051050343	Thái Tấn	Phát	10/02/2002	2020	CQ_CN	3.50	87	Giỏi	6,490,000	70%	4,543,000

Xuất sắc: 30 Sinh viên
Giỏi: 113 Sinh viên
Khá: 32 Sinh viên

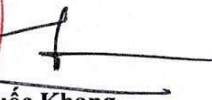
Tổng cộng:
Tổng số tiền HBKKHT:

175 Sinh viên
902,617,000 đồng

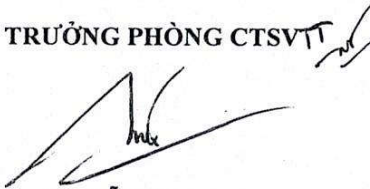
(Chín trăm linh hai triệu sáu trăm mười bảy nghìn đồng)

Tp.HCM, ngày 22.. tháng ...6... năm 2022

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ.HIỆU TRƯỞNG


Lê Nguyễn Quốc Khang

TRƯỞNG PHÒNG CTSVT


Nguyễn Ngọc Anh

LÃNH ĐẠO KHOA


Trương Hoàng Vinh